

PV TRANS (PVT)

Hưởng lợi nhờ giá cước tăng

Thu nhập khác dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận trong 3Q22

PVT công bố KQKD tích cực trong 3Q22 với doanh thu đạt 2,330 tỷ đồng (+39% n/n) và LNST đạt 386 tỷ đồng (+152% n/n). Doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ chủ yếu nhờ mảng vận tải (hoạt động kinh doanh cốt lõi của PVT) khi ghi nhận 1,807 tỷ đồng (+45% n/n) trong 3Q22. Tăng trưởng doanh thu mảng vận tải được thúc đẩy nhờ vào giá cước tàu chở dầu neo cao và sự đóng góp tới từ các tàu đầu tư mới. Trong khi đó, LNST của PVT tăng trưởng đột biến chủ yếu tới từ khoản thanh lý tàu chở dầu đã hết khấu hao – PVT Athena khi mang về 205 tỷ đồng. Nhìn chung, trong 9T22, PVT ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt đạt 6,609 tỷ đồng (+25% n/n) và 832 tỷ đồng (+38% n/n), hoàn thành 102%/173% kế hoạch đã đề ra cho 2022F.

Biên lợi nhuận gộp của mảng vận tải được cải thiện

Biên lợi nhuận gộp của mảng vận tải tăng 3.5%p n/n, góp phần giúp biên lợi nhuận gộp của toàn công ty tăng trưởng +1%p n/n trong 3Q22. Trong khi đó, nhờ vào khoản thu nhập khác từ việc thanh lý tàu PVT Athena, biên lợi nhuận ròng tăng mạnh 7.5%p n/n lên 16.6% trong 3Q22. Bên cạnh đó, chỉ số CPBH&QLDN/Doanh thu giảm 0.1%p n/n xuống 4.4% trong 3Q22. Chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận ròng sẽ quay trở lại mức bình thường trong khoảng 9.6% - 11.4% nếu PVT không thanh lý tàu Regan trong 4Q22F như kế hoạch đã đề ra trong ĐHCĐ 2022.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Dư nợ bằng USD của PVT ở mức gần 90 triệu USD (chiếm khoảng 60% tổng nợ vay cuối 3Q22) với phần lớn là các khoản vay dài hạn dựa trên LIBOR kỳ hạn 3-6 tháng cộng biên độ dao động từ 2.5% - 5%. Do đó PVT sẽ dễ chịu rủi ro liên quan đến tỷ giá và lãi suất. Trong 3Q22, công ty đã ghi nhận khoản lỗ tỷ giá 23.7 tỷ đồng (so với khoản lỗ 3.6 tỷ đồng trong 3Q21), và chi phí lãi vay ghi nhận tăng 80% n/n lên 76.7 tỷ đồng.

Tiếp tục hưởng lợi nhờ giá cước tàu chở dầu tăng

Chúng tôi kỳ vọng giá cước tàu chở dầu sẽ vẫn neo ở mức cao trong 4Q22F, và điều này sẽ giúp các công ty vận tải dầu khí như PVT được hưởng lợi. Bên cạnh đó, nhà máy Dung Quất gần đây đã công bố tăng công suất lên 109% sẽ đảm bảo được sản lượng vận chuyển cho PVT trong thị trường nội địa. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu theo năm trong 4Q22F sẽ ở mức cao, tuy nhiên tăng trưởng doanh thu theo quý là chưa chắc chắn.

	D. thu	LNHĐ	LN ròng	EPS	% tăng	EBITDA	PE	EV/EBITDA	PB	ROE	DY
	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(đồng)	(n/n)	(Tỷ đồng)	(x)	(x)	(x)	(%)	(%)
2017A	6,148	603	450	1,230	(16.7)	1,181	14.0	4.5	1.0	11.9	6.3
2018A	7,523	802	652	1,919	56.0	1,402	9.0	4.2	0.9	15.9	6.4
2019A	7,758	928	690	1,658	(13.6)	1,678	10.4	4.0	0.9	15.2	7.0
2020A	7,383	854	669	1,424	(14.1)	1,731	12.1	3.5	0.9	13.9	3.0
2021A	7,460	950	660	1,267	(11.0)	1,880	13.6	3.9	0.8	12.6	6.9

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

Xếp hạng 12T **Không đánh giá**

Giá mục tiêu **N.A**

Lợi nhuận **N.A**

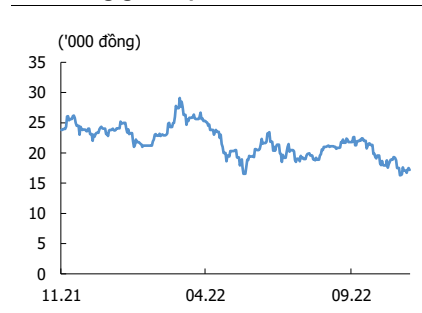
Stock Data

VNIindex (3/11, điểm)	1,020
Giá cp (3/11, đồng)	17,200
Vốn hóa (tỷ đồng)	225
SLCP lưu hành (triệu)	324
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	29,100/16,300
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	2.30
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	48.9/14.7
Cổ đông lớn (%)	
Petrovietnam	51.0

Biến động giá cổ phiếu

	1M	6M	12M
Tuyệt đối (%)	(5.8)	(15.3)	(27.8)
Tương đối với VNI (%p)	0.3	9.4	0.6

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Quý Nguyễn

Quy.nt@kivn.vn

1. Thu nhập khác dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận trong 3Q22

1.1 Giá cước tàu chở dầu neo cao thúc đẩy doanh thu tăng trưởng

PVT gần đây đã công bố báo cáo tài chính 3Q22 với tăng trưởng LNST đột biến. Cụ thể, doanh thu tăng 39% n/n lên 2,330 tỷ đồng và LNST tăng vọt +152% n/n lên 386 tỷ đồng. Doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ chủ yếu nhờ mảng vận tải (hoạt động kinh doanh cốt lõi của PVT) khi ghi nhận 1,807 tỷ đồng (+45% n/n) trong 3Q22. Tăng trưởng doanh thu mảng vận tải được thúc đẩy nhờ vào 2 yếu tố chính: (1) giá cước tàu chở dầu đang neo ở mức cao so với cùng kỳ năm ngoái do xung đột Nga – Ukraine và (2) sự đóng góp từ các tàu đầu tư mới. Trong khi đó, LNST của PVT tăng trưởng đột biến trong 3Q22 chủ yếu từ khoản thanh lý tàu chở dầu đã hết khấu hao – PVT Athena khi mang về 205 tỷ đồng.

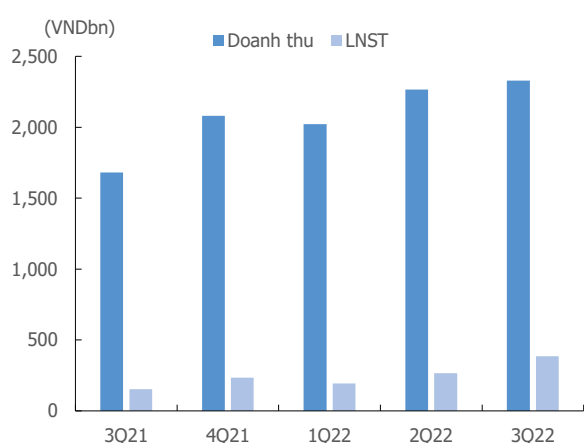
Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2022, công ty đạt 6,609 tỷ đồng doanh thu (+25% n/n) và 832 tỷ đồng (+38% n/n) LNST. Với kết quả kinh doanh ấn tượng này, PVT đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2022F chỉ sau 3 quý đầu năm, tương ứng đạt 102% và 173% kế hoạch về doanh thu và LNST.

Bảng 1. Doanh thu và lợi nhuận trong 3Q22

	3Q21	4Q21	1Q22	2Q22	3Q22	% q/q	% n/n
Doanh thu (VNDbn)	1,680	2,080	2,022	2,257	2,330	3.2	38.7
Lợi nhuận gộp (VNDbn)	282	329	292	440	415	(5.7)	47.2
LNST (VNDbn)	153	234	194	258	386	49.6	152.3
Biên lợi nhuận gộp (%)	16.8	15.8	14.4	19.5	17.8	(1.7)	1.0
Biên lợi nhuận ròng (%)	9.1	11.3	9.6	11.4	16.6	5.2	7.5

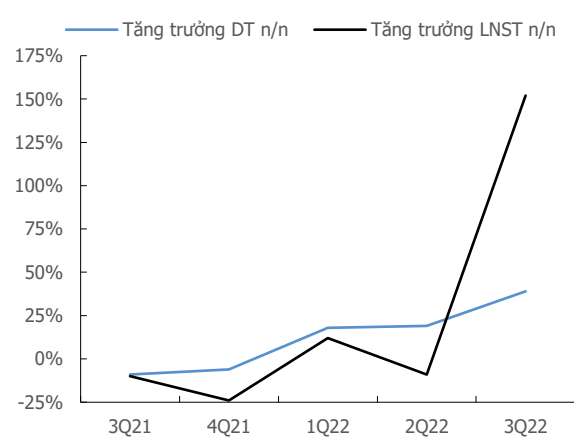
Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities

Hình 1. Doanh thu và LNST trong 3Q22 đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái



Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities

Hình 2. Tăng trưởng doanh thu và LNST



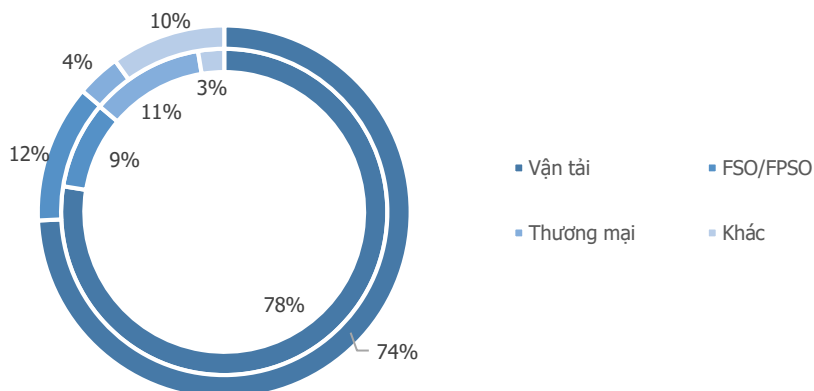
Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities

1.2 Mảng vận tải đóng góp chính vào tổng doanh thu

Trong 3Q22, doanh thu của công ty chủ yếu đến từ 3 mảng, trong đó mảng vận tải đóng vai trò chính, chiếm đến 78% tổng doanh thu (so với 74% trong 3Q21). Mảng thương mại chiếm vị trí thứ hai của FSO/FPSO trong 3Q22 khi đóng góp

11% tổng doanh thu nhờ vào việc thanh lý tàu PVT Athena, tăng từ 4% trong 3Q21. FSO/FPSO rơi xuống trí thứ ba khi chỉ đóng góp 9% trên tổng doanh thu, giảm từ 12% trong 3Q21.

Hình 3. Doanh thu theo từng mảng kinh doanh

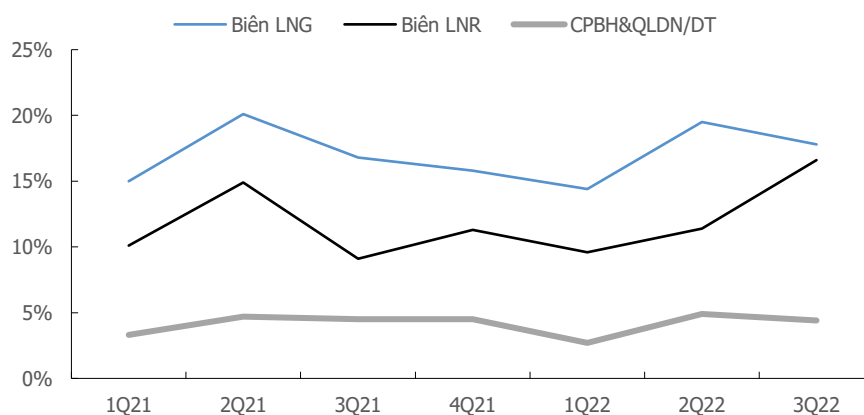


Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities, *vòng trong: 3Q22, *vòng ngoài: 3Q21

2. Biên lợi nhuận gộp của mảng vận tải được cải thiện

Mảng vận tải ghi nhận kết quả tích cực trong 3Q22 nhờ hưởng lợi từ xu hướng tăng của thị trường chở dầu toàn cầu, dẫn đến giá cước tăng cao trong các loại vận tải (dầu thô, dầu/hóa chất, LPG, ...). Cụ thể, biên lợi nhuận gộp mảng vận tải tăng từ 16% trong 3Q21 lên 19.5% trong 3Q22. Nhờ đó, biên lợi nhuận ròng của toàn công ty tăng 1.0%p n/n lên 17.8%. Trong khi đó, nhờ vào khoản thu nhập khác tới từ thanh lý tàu chở dầu PVT Athena, biên lợi nhuận ròng của PVT tăng mạnh 7.6%p n/n lên 16.6% trong 3Q22. Bên cạnh đó chỉ số CPBH&QLDN/Doanh thu giảm 0.1%p n/n xuống còn 4.4% trong cùng giai đoạn.

Hình 4. Biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận gộp



Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities

3. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

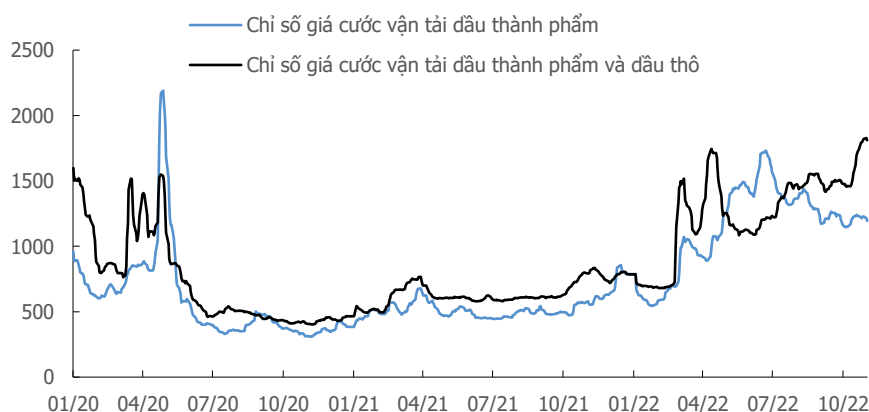
Dư nợ cho vay đồng USD của PVT chạm gần 90 triệu USD, phần lớn là các khoản vay dài hạn để đầu tư tàu chở dầu với lãi suất 1 năm dựa trên LIBOR kỳ

hạn 3 - 6 tháng với biên độ dao động từ 2.5 - 5%. Do đó PVT sẽ dễ chịu rủi ro liên quan đến tỷ giá và lãi suất. Cụ thể, trong 3Q22, công ty đã ghi nhận khoản lỗ tỷ giá 23.7 tỷ đồng (so với khoản lỗ 3.6 tỷ đồng trong 3Q21), và chi phí lãi vay tăng 80% n/n lên 76.7 tỷ đồng.

4. Tiếp tục hưởng lợi nhờ giá cước tàu chở dầu tăng

Nhu cầu đối với tàu chở dầu thô và thành phẩm đã tăng lên đáng kể từ khi EU áp đặt các lệnh trừng phạt đối với Nga, và chúng tôi kỳ vọng xu hướng này sẽ tiếp tục trong thời gian tới khi các lệnh trừng phạt của EU sẽ có hiệu lực vào cuối năm nay. Bên cạnh đó, việc chuyển hướng dòng chảy năng lượng của Nga đã làm các tuyến đường vận chuyển dài hơn và gây áp lực không nhỏ lên thị trường vận tải dầu toàn cầu. Chúng tôi kỳ vọng giá tàu chở dầu vẫn sẽ neo ở mức cao so với cùng kỳ năm ngoái trong 4Q22F, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành vận tải dầu khí. Ngoài ra, nhà máy lọc dầu Dung Quất gần đây đã công bố tăng công suất lên 109% sẽ đảm bảo được sản lượng vận chuyển cho PVT trong thị trường nội địa. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu theo năm trong 4Q22F sẽ ở mức cao, tuy nhiên tăng trưởng doanh thu theo quý là chưa chắc chắn.

Hình 5. Chỉ số giá cước vận tải dầu thành phẩm và dầu thô



Nguồn: Dữ liệu công ty, Korea Investment & Securities

■ Tổng quan về doanh nghiệp

Petrovietnam (PVT) là doanh nghiệp cung cấp vận tải dầu và khí chuyên nghiệp, bao gồm vận chuyển dầu thô, dầu tinh luyện / hóa chất, khí đốt và hàng rời, dịch vụ hàng hải, hậu cần, dịch vụ quản lý tàu kỹ thuật và cung ứng nhân lực. Trong hơn 17 năm qua, PVTrans đã trở thành đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực vận tải hàng hải của Việt Nam, nổi tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế với 100% thị phần vận tải dầu thô và LPG trong nước và 30% thị phần vận tải xăng dầu / hóa chất trong nước.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A
Tài sản ngắn hạn	3,895	4,249	3,841	4,662	4,850
Tiền và tương đương tiền	2,920	2,851	2,687	3,326	3,073
Phải thu	816	1,088	865	1,103	1,477
Hàng tồn kho	95	151	127	112	142
Tài sản dài hạn	5,308	5,953	7,157	6,428	7,643
Tài sản cố định	4,967	5,627	6,781	5,860	6,976
Đầu tư tài chính	241	192	199	360	196
Khác	155	284	325	308	520
Tổng tài sản	9,204	10,202	10,997	11,090	12,493
Người mua trả trước	9	18	49	33	28
Doanh thu chưa thực hiện	1	8	1	2	19
Phải trả người bán	682	775	603	745	677
Khác	1,160	1,274	1,220	1,428	1,560
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	537	663	1,015	615	778
Nợ và TP dài hạn	2,153	2,325	2,419	1,987	2,468
Tổng nợ và phải trả	4,542	5,063	5,306	4,811	5,530
VCSH	3,687	4,023	4,381	4,886	5,195
Vốn điều lệ	2,814	2,814	2,814	3,237	3,237
Thặng dư	0	0	0	0	0
Quỹ khác	253	362	576	773	1,015
LN giữ lại	620	847	991	876	944
Lợi ích cổ đông thiểu số	974	1,117	1,310	1,393	1,768
Tổng VCSH	4,662	5,140	5,691	6,279	6,963

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A
Dòng tiền hoạt động	745	931	1,179	1,536	829
LN ròng	534	780	821	830	835
Khấu hao và khấu trừ	578	600	750	877	930
Tăng vốn lưu động ròng	(366)	(449)	(392)	(172)	(936)
Dòng tiền đầu tư	381	(1,663)	(1,523)	(326)	(1,599)
Tài sản cố định	(426)	(1,399)	(1,823)	(176)	(1,936)
Tăng đầu tư tài chính	806	(265)	300	(150)	336
Dòng tiền tài chính	(504)	49	274	(945)	583
Tăng vốn chủ	49	49	127	0	239
Tăng nợ	(249)	311	488	(777)	726
Chi trả cổ tức	(304)	(310)	(340)	(169)	(383)
Dòng tiền khác	0	0	0	0	0
Tăng tiền mặt	621	(683)	(70)	264	(188)

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A
Doanh thu	6,148	7,523	7,758	7,383	7,460
Giá vốn hàng bán	5,302	6,440	6,567	6,264	6,222
Lợi nhuận gộp	846	1,083	1,191	1,118	1,238
Chi phí bán hàng & QLDN	242	281	263	265	288
LN hoạt động	603	802	928	854	950
Doanh thu tài chính	188	208	221	272	180
Thu nhập lãi	144	154	149	168	129
Chi phí tài chính	161	158	193	174	156
Chi phí lãi vay	152	122	169	143	143
LN khác	13	97	26	58	42
Lãi (lỗ) từ LD&LK	27	26	34	30	25
LN trước thuế	671	975	1,016	1,039	1,040
Thuế TNDN	137	195	195	209	206
LN sau thuế	534	780	821	830	835
LN ròng cho công ty mẹ	450	652	690	669	660
EBITDA	1,181	1,402	1,678	1,731	1,880

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	1,230	1,919	1,658	1,424	1,267
BPS	16,564	18,262	20,221	19,400	21,515
DPS	1,081	1,103	1,209	521	1,182
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	(8.7)	22.4	3.1	(4.8)	1.1
LN hoạt động	14.6	32.9	15.7	(8.0)	11.3
LN ròng	8.3	44.9	5.8	(2.9)	(1.5)
EPS	(16.7)	56.0	(13.6)	(14.1)	(11.0)
EBITDA	124.4	18.7	19.7	3.2	8.6
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	9.8	10.7	12.0	11.6	12.7
Biên LN ròng	8.7	10.4	10.6	11.2	11.2
Biên EBITDA	19.2	18.6	21.6	23.4	25.2
ROA	5.8	8.0	7.7	7.5	7.1
ROE	11.9	15.9	15.2	13.9	12.6
Suất sinh lợi cổ tức	6.3	6.4	7.0	3.0	6.9
Tỷ lệ chi trả cổ tức	87.8	57.5	72.9	36.6	93.3
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	(231)	137	747	(723)	174
Nợ ròng/VCSH (%)	(4.9)	2.7	13.1	(11.5)	2.5
Định giá (x)					
PE	14.0	9.0	10.4	12.1	13.6
PB	1.0	0.9	0.9	0.9	0.8
EV/EBITDA	4.5	4.2	4.0	3.5	3.9

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 4/11/2022.

KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 4/11/2022.

Người thực hiện: Quý Nguyễn

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..